

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM BÌNH
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2022/HNGĐ - ST

Ngày: 24 – 2 – 2022

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

□ □□□

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Hồng Chi**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Nguyễn Văn Mua**.

2. Bà **Nguyễn Thị Sương**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Trương Minh Tấn** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình tham gia phiên tòa:
Không tham gia.

Ngày 24 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 331/2021/TLST– HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2021 về việc tranh chấp “Ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2022/QĐXXST – HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 07/2022/QĐST – HNGĐ ngày 08/02/2022, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Cà G**, sinh năm 1983 (Vắng mặt)

* Bị đơn: Anh **Lê Văn C**, sinh năm 1984 (Vắng mặt)

Cùng nơi cư trú: ấp 4, xã HH, huyện TB, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn chị **Nguyễn Thị Cà G** trình bày:

Vào năm 2005 hôn nhân do quen biết, tìm hiểu nhau, được sự đồng ý của gia đình chị Cà G và anh C tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn vào ngày 07/11/2005 tại Ủy ban nhân dân xã HH, huyện TB, tỉnh Vĩnh Long. Thời gian hạnh phúc vợ chồng được khoảng 16 năm thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cự cãi gay gắt nên ly thân vào tháng 10 năm 2021 cho đến nay. Hiện chị Cà G không còn tình cảm với anh C nên yêu cầu ly hôn. Về con chung: Chị Cà G yêu cầu nuôi hai con

chung tên Lê Nguyễn Quỳnh G1, sinh ngày 04/3/2006 và và Lê Nguyễn Thiên P, sinh ngày 06/11/2015, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: không có yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị Nguyễn Thị Cà G có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt.

- Bị đơn là anh Lê Văn C đã được tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng đều vắng mặt không lý do.

Tại biên bản hòa giải ngày 13/01/2022 trình bày: Anh C thống nhất theo trình bày của chị Cà G về mối quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung.

Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn: Do vợ chồng bất đồng không có tiếng nói chung, thường xuyên cự cãi.

Nay anh C không đồng ý ly hôn với chị Huê. Nếu trường hợp Tòa án cho ly hôn thì về con chung: Anh C yêu cầu nuôi hai con chung tên Lê Nguyễn Quỳnh G1, sinh ngày 04/3/2006 và và Lê Nguyễn Thiên P, sinh ngày 06/11/2015, không yêu cầu chị Cà G cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Các tài liệu, chứng cứ của vụ án: đã được công bố tại biên bản tiếp cận, kiểm tra, giao nộp công khai, chứng cứ và hòa giải ngày 13/01/2022.

- Các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh:

+ Về hôn nhân: Chị Cà G trình bày vào năm 2005, hôn nhân do quen biết và được sự đồng ý của gia đình, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HH, huyện TB, tỉnh Vĩnh Long. Đây là hôn nhân hợp pháp nên các đương sự không phải chứng minh.

+ Về con chung: Chị Cà G và anh C thống nhất trình bày có hai con chung tên Lê Nguyễn Quỳnh G1, sinh ngày 04/3/2006 và Lê Nguyễn Thiên P, sinh ngày 06/11/2015.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Chị Cà G và anh C trình không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên tình tiết, sự kiện này đương sự không cần phải chứng minh.

- Các tình tiết, sự kiện mà các bên đương sự, không thống nhất: Không có.

Tòa án đã thông báo về việc thụ lý vụ án và qua hai lần thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải cho các đương sự trong vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện, khách quan những tình tiết của vụ án; ý kiến của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Theo nội dung đơn khởi kiện chị Cà G yêu cầu được ly hôn với anh C là tranh chấp về ly

hôn, nuôi con được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại huyện TB, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TB.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Anh Lê Văn C đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh C. Chị Nguyễn Thị Cà G có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị G theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Xét về hôn nhân: Chị Cà G và anh C cưới nhau có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Xuất phát từ việc vợ chồng bất đồng ý kiến. Anh chị có thời gian sống ly thân từ năm 2021 đến nay không trở về đoàn tụ. Chị Cà G xác định không còn tình cảm vợ chồng, không muốn tiếp tục chung sống với anh C. Như vậy cho thấy đời sống chung giữa chị Cà G và anh C không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án giải quyết cho ly hôn giữa chị Cà G và anh C.

[4]. Về con chung: Chị Cà G và anh C thống nhất trình bày: Có hai người con chung Lê Nguyễn Quỳnh G1, sinh ngày 04/3/2006 và Lê Nguyễn Thiên P, sinh ngày 06/11/2015, chị Cà G không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con. Anh C có yêu cầu nuôi hai con chung, không yêu cầu chị Cà G cấp dưỡng nuôi con.

Xét yêu cầu nuôi hai con chung Lê Nguyễn Quỳnh G1, sinh ngày 04/3/2006 và Lê Nguyễn Thiên P, sinh ngày 06/11/2015 của chị Cà G là có cơ sở chấp nhận vì từ lúc chị Cà G và anh C ly thân cho đến nay chị Cà G là người trực tiếp nuôi con, nhằm tránh làm ảnh hưởng đến cuộc sống, điều kiện sinh hoạt và vì quyền lợi về mọi mặt của cháu Thiên P và cháu Quỳnh G1. Mặt khác, cháu Quỳnh G1 có bản tự khai yêu cầu sống chung với chị Cà G là phù hợp với khoản 2, 3 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 nên xét chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của chị Cà G.

Hội đồng xét xử xét thấy tiếp tục giao hai con chung là Lê Nguyễn Quỳnh G1, sinh ngày 04/3/2006 và Lê Nguyễn Thiên P, sinh ngày 06/11/2015 cho chị Cà G trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp quy định pháp luật. Chị Cà G không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

Anh C không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5]. Về tài sản chung: Chị Cà G và anh C thống nhất trình bày không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6]. Về nợ chung: Chị Cà G và anh C thống nhất trình bày không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[7]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Cà G phải nộp số tiền 300.000đồng tiền án phí về việc xin ly hôn. Được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số N^o 0010354 ngày 07/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TB, tỉnh Vĩnh Long nên chị Cà G không phải nộp thêm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 217; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 6, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Cà G.

- Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Cà G được ly hôn với anh Lê Văn C.

- Về con chung: Tiếp tục giao hai con chung tên là Lê Nguyễn Quỳnh G1, sinh ngày 04/3/2006 và Lê Nguyễn Thiên P, sinh ngày 06/11/2015 cho chị Cà G trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Cà G không yêu cầu anh Cường cấp dưỡng nuôi con.

Anh C không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về tài sản chung: Chị Cà G và anh C thống nhất trình bày không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Chị Cà G và anh C thống nhất trình bày không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Cà G phải nộp số tiền 300.000đồng tiền án phí về việc xin ly hôn. Được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số N^o 0010354 ngày 07/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TB, tỉnh Vĩnh Long nên chị Cà G không phải nộp thêm.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Vụ án được xét xử công khai. Chị Cà G, anh C vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ, để chuyển toàn bộ hồ sơ vụ án đến Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện TB;
- Chi cục THADS huyện TB;
- Nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Trần Thị Hồng Chi